

Lai Châu, ngày 04 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO

TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN,
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHIA CỔ TỨC
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017)

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 18/06/2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty: Báo cáo tài chính năm 2016, phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2017.

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016:

I – Báo cáo kiểm toán số 875/2017/BC.KTTC-AASC.KT5 ngày 25 tháng 03 năm 2017 của Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, (có báo cáo kèm theo).

II – Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016:

1 – Tài sản ngắn hạn:	58.132.749.724	đồng
- Tiền và các khoản tương đương tiền:	983.203.500	đồng
- Các khoản phải thu ngắn hạn:	44.982.606.840	đồng
- Hàng tồn kho:	10.680.576.490	đồng
- Tài sản ngắn hạn khác:	1.486.362.894	đồng
2 – Tài sản dài hạn:	51.018.744.248	đồng
- Tài sản cố định:	148.795.552	đồng
+ Tài sản cố định hữu hình:	148.795.552	đồng
Nguyên giá:	1.175.522.872	đồng
Giá trị hao mòn lũy kế:	(1.026.727.320)	đồng
- Chi phí XDCB dở dang:	45.335.898.014	đồng
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	1.598.000.000	đồng
- Tài sản dài hạn khác:	3.936.050.682	đồng
3 – Nợ phải trả:	53.131.991.065	đồng
- Vay và nợ tài chính ngắn hạn:	4.448.000.000	đồng
- Phải trả người bán ngắn hạn:	7.414.888.275	đồng
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn:	12.269.000	đồng
- Thuế và các khoản nộp Nhà nước:	3.142.551.708	đồng
- Phải trả người lao động:	539.642.796	đồng
- Chi phí phải trả ngắn hạn:	1.720.968.627	đồng
- Phải trả ngắn hạn khác:	2.442.788.027	đồng

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	245.094.580	đồng
- Vay dài hạn ngân hàng:	33.165.788.052	đồng
4 – Vốn chủ sở hữu:	56.019.502.907	đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	60.000.000.000	đồng
+ Vốn góp của Công ty CP Sông Đà 7.04:	31.000.000.000	đồng
+ Vốn góp của Công ty CP Sông Đà 7 :	9.592.140.000	đồng
+ Vốn góp của các cổ đông khác:	19.407.860.000	đồng
- Thặng dư vốn cổ phần:	0	đồng
- lợi nhuận chưa phân phối:	(5.629.582.532)	đồng
- Quỹ dự phòng tài chính:	642.712.348	đồng
- Quỹ đầu tư phát triển:	1.006.373.091	đồng

III – Một số chỉ tiêu, kết quả hoạt động kinh doanh

1 – Giá trị SXKD:	4.332.553.000	đồng
2 – Tổng doanh số:	4.441.792.989	đồng
3 – Khấu hao TSCĐ:	0	đồng
4 – Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN lũy kế:	(5.629.582.532)	đồng
+ Lợi nhuận lũy kế đến cuối kỳ trước:	(5.285.944.299)	đồng
+ Lợi nhuận năm 2016:	(343.638.233)	đồng
5 – Thu nhập bình quân của CBCNV:	9.338.000	đồng
6 – Các khoản phải nộp NSNN:	500.476.000	đồng

B – Phương án phân phối lợi nhuận

Tổng lợi nhuận sau thuế tại thời điểm 31/12/2016 (lỗ): - 343.638.233 đồng

Năm 2016 đơn vị chỉ tập trung toàn bộ cho công tác đầu tư xây dựng dự án thủy điện Nậm Thi 2, đồng thời quyết toán thu hồi vốn phần dở dang còn lại tại các công trình thủy điện Bản Chát và thủy điện Sử Pán II, do vậy Công ty chưa có doanh thu và không có lợi nhuận.

Giá trị lỗ sản xuất kinh doanh trong năm 2016 : -343.638.233 đồng do quyết toán thu vốn khối lượng dở dang tại thủy điện Bản Chát giảm so với khối lượng đã thực hiện

C. Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2017.

Đề nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

Xin trân trọng báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội !

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Bút

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 được lập ngày 25 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên (đang tạm ngừng hoạt động). Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 nên không thể xác định được dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty liên kết này với giá trị là 1,6 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể xác định liệu có phải điều chỉnh số dự phòng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn này tại ngày 31/12/2016 hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017.

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2290-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		58.132.749.724	58.805.147.654
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	983.203.500	281.455.399
111	1. Tiền		983.203.500	281.455.399
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		44.982.606.840	48.218.242.712
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	32.190.282.914	40.986.124.127
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	9.873.810.600	5.580.460.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.918.513.326	1.651.658.585
140	III. Hàng tồn kho	8	10.680.576.490	10.305.449.543
141	1. Hàng tồn kho		10.680.576.490	10.305.449.543
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.486.362.894	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.486.362.894	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.018.744.248	15.193.651.610
220	I. Tài sản cố định		148.795.552	148.795.552
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	148.795.552	148.795.552
222	- Nguyên giá		1.175.522.872	1.175.522.872
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.026.727.320)	(1.026.727.320)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		45.335.898.014	8.397.941.058
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	45.335.898.014	8.397.941.058
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	1.598.000.000	2.738.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.598.000.000	1.598.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.140.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.936.050.682	3.908.915.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.936.050.682	3.908.915.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		109.151.493.972	73.998.799.264


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		53.131.991.065	17.635.658.124
310	I. Nợ ngắn hạn		19.966.203.013	17.635.658.124
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	7.414.888.275	6.792.299.116
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		12.269.000	120.861.362
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.142.551.708	5.536.144.534
314	4. Phải trả người lao động		539.642.796	340.011.739
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.720.968.627	2.452.494.817
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.442.788.027	2.117.251.976
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	4.448.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		245.094.580	276.594.580
330	II. Nợ dài hạn		33.165.788.052	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	33.165.788.052	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		56.019.502.907	56.363.141.140
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	56.019.502.907	56.363.141.140
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		60.000.000.000	60.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.649.085.439	1.649.085.439
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(5.629.582.532)	(5.285.944.299)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(5.285.944.299)	1.054.417.378
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(343.638.233)	(6.340.361.677)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		109.151.493.972	73.998.799.264


Nguyễn Thị Lương
Người lập biểu


Phạm Văn Phong
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Đức
Tổng Giám đốc
Lai Châu, ngày 25 tháng 03 năm 2017




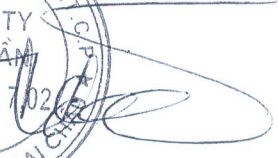
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	4.441.792.989	166.181.818
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.441.792.989	166.181.818
11	3. Giá vốn hàng bán	20	4.700.481.989	304.511.580
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(258.689.000)	(138.329.762)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính		-	175.935.288
22	6. Chi phí tài chính		-	86.522.575
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	55.000.000	456.976.954
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(313.689.000)	(505.894.003)
32	9. Chi phí khác	22	29.949.233	1.025.149.968
40	10. Lợi nhuận khác		(29.949.233)	(1.025.149.968)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(343.638.233)	(1.531.043.971)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(343.638.233)</u>	<u>(1.531.043.971)</u>
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	(57)	(255)


Nguyễn Thị Lương
Người lập biểu


Phạm Văn Phong
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Đức
Tổng Giám đốc

Lai Châu, ngày 25 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(343.638.233)	(1.531.043.971)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		-	621.399.066
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		-	103.561.898
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	517.837.168
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(343.638.233)	(909.644.905)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		4.749.272.978	10.485.668.540
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(375.126.947)	(107.880.600)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.930.422.214)	(10.445.075.149)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(27.135.682)	14.036.534
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(161.760.936)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31.500.000)	(29.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.879.688.966	(992.695.580)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(39.931.728.917)	(619.216.781)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.034.622.338
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.140.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	175.935.288
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(38.791.728.917)	591.340.845
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		37.613.788.052	-
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(4.729.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		37.613.788.052	(4.729.900)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		701.748.101	(406.084.635)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		281.455.399	687.540.034
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	983.203.500	281.455.399

Nguyễn Thị Lương
Người lập biểu

Phạm Văn Phong
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Đức
Tổng Giám đốc

Lai Châu, ngày 25 tháng 03 năm 2017